

Số: /BC-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO BỔ SUNG

Về việc thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Ngày 03/7/2025, UBND Thành phố đã có Báo cáo số 252/BC-UBND về thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2025.

Căn cứ Quyết định số 9188-QĐ/TU ngày 27/6/2025 của Thành ủy Hà Nội về việc thành lập Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội.

Sở Tài chính kính báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố bổ sung nội dung về giao, điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị theo Quyết định số 9188-QĐ/TU của Thành ủy về việc thành lập Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội; cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh giảm dự toán chi NSNN năm 2025 đã giao các cơ quan, đơn vị (Gồm: Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội, Thành đoàn Hà Nội, Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Hà Nội, Hội Nông dân thành phố Hà Nội, Hội Cựu chiến binh thành phố Hà Nội và Liên đoàn Lao động thành phố Hà Nội): 310.472 triệu đồng.

2. Giao dự toán cho Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội (Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội): 310.472 triệu đồng.

3. Điều chỉnh Chương trình MTQG

Điều chỉnh giảm kinh phí Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Hà Nội, giao cho Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội (Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội): 1.342 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

UBND Thành phố kính báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố; (để báo cáo)
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Ban Kinh tế và Ngân sách - HĐND TP
- Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND;
- Sở Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP Đ. Q. Hùng, KT;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Việt Dũng

PHỤ LỤC CHI TIẾT

(Kèm theo Báo cáo số

/BC-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán giao năm 2025			Dự toán 2025 đề nghị giao, điều chỉnh	Dự toán năm 2025 sau giao, điều chỉnh	Ghi chú
		Tổng cộng					
			Dự toán giao đầu năm 2025	Dự toán điều chỉnh bổ sung trong năm 2025			
A	B	1=2+3	2,0	3,0	4	5	6
	TỔNG CỘNG	334.064	307.201	26.863		334.064	
A	Điều chỉnh giảm dự toán của các đơn vị	310.472	283.609	26.863	-310.472		
1	Ủy ban MTTQ VN thành phố HN	63.317	61.092	2.225	-63.317		
*	Chi quản lý hành chính	63.215	61.092	2.123	-63.215		
	a/ Kinh phí tự chủ	11.207	11.207		-11.207		
	- Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	5.574	5.574		-5.574		
	- Chi khác ngoài lương	5.633	5.633		-5.633		
	b/ Kinh phí không tự chủ	52.008	49.885	2.123	-52.008		
	- Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	3.136	3.136		-3.136		
	- Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung Quỹ tiền thưởng	418	418		-418		
	- Chi nghiệp vụ	48.454	46.331	2.123	-48.454		
	- Chi mua sắm, sửa chữa TSC						
	- Chi sửa chữa, cải tạo các CT						
*	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	102		102			
	b/ Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	102		102			
	- Chi nghiệp vụ	102		102			
2	Thành đoàn Hà Nội	98.562	79.253	19.309	-98.562		
*	Chi quản lý hành chính	28.817	26.964	1.853	-28.817		
	a/ Kinh phí tự chủ	11.944	11.944		-11.944		
	- Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	5.013	5.013		-5.013		
	- Chi khác ngoài lương	6.931	6.931		-6.931		
	b/ Kinh phí không tự chủ	16.873	15.020	1.853	-16.873		
	- Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	2.626	2.626		-2.626		
	- Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung Quỹ tiền thưởng	407	407		-407		
	- Chi nghiệp vụ	13.840	11.987	1.853	-13.840		
	- Chi mua sắm, sửa chữa TSC						
	- Chi sửa chữa, cải tạo các CT						
*	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	28.080	10.624	17.456	-28.080		
	a/ Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.053	8.053		-8.053		
	b/ Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	20.027	2.571	17.456	-20.027		
	- Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	1.731	1.731		-1.731		
	- Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung Quỹ tiền thưởng	320	320		-320		
	- Chi nghiệp vụ	17.456		17.456	-17.456		
	- Chi mua sắm, sửa chữa TSC	520	520		-520		
*	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	36.368	36.368		-36.368		
	a/ Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
	b/ Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	36.368	36.368		-36.368		
	- Chi nghiệp vụ	35.759	35.759		-35.759		
	- Chi mua sắm, sửa chữa TSC	609	609		-609		
	- Chi sửa chữa, cải tạo các CT						
*	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	4.207	4.207		-4.207		
	b/ Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.207	4.207		-4.207		
	- Chi mua sắm, sửa chữa TSC	4.207	4.207		-4.207		
*	Chi sự nghiệp khác	1.090	1.090		-1.090		
	a/ Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
	b/ Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.090	1.090		-1.090		
	- Chi nghiệp vụ	1.090	1.090		-1.090		
3	Hội liên hiệp Phụ nữ Hà Nội	42.772	40.234	2.538	-42.772		
*	Chi quản lý hành chính	38.428	36.045	2.383	-38.428		
	a/ Kinh phí tự chủ	11.295	11.295		-11.295		
	- Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	5.454	5.454		-5.454		
	- Chi khác ngoài lương	5.841	5.841		-5.841		
	b/ Kinh phí không tự chủ	27.133	24.750	2.383	-27.133		
	- Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	3.112	3.112		-3.112		

STT	Tên đơn vị	Dự toán giao năm 2025			Dự toán 2025 đề nghị giao, điều chỉnh	Dự toán năm 2025 sau giao, điều chỉnh	Ghi chú
		Tổng cộng					
			Dự toán giao đầu năm 2025	Dự toán điều chỉnh bổ sung trong năm 2025			
	- Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung Quỹ tiền thưởng	545	545		-545		
	- Chi nghiệp vụ	23.476	21.093	2.383	-23.476		
	- Chi mua sắm, sửa chữa TSC						
	- Chi sửa chữa, cải tạo các CT						
*	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	3.804	3.804		-3.804		
	b/ Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.804	3.804		-3.804		
	- Chi nghiệp vụ	3.804	3.804		-3.804		
*	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	540	385	155	-540		
	b/ Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	540	385	155	-540		
	- Chi nghiệp vụ	155		155	-155		
	- Chi mua sắm, sửa chữa TSC	385	385		-385		
4	Hội Nông dân thành phố Hà Nội	18.556	16.856	1.700	-18.556		
*	Chi quản lý hành chính	18.527	16.856	1.671	-18.527		
	a/ Kinh phí tự chủ	8.061	8.061		-8.061		
	- Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	4.193	4.193		-4.193		
	- Chi khác ngoài lương	3.868	3.868		-3.868		
	b/ Kinh phí không tự chủ	10.466	8.795	1.671	-10.466		
	- Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	2.392	2.392		-2.392		
	- Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung Quỹ tiền thưởng	345	345		-345		
	- Chi nghiệp vụ	7.729	6.058	1.671	-7.729		
	- Chi mua sắm, sửa chữa TSC						
	- Chi sửa chữa, cải tạo các CT						
*	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	29		29	-29		
	b/ Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	29		29	-29		
	- Chi nghiệp vụ	29		29	-29		
	- Chi mua sắm, sửa chữa TSC						
5	Hội Cựu chiến binh Thành phố Hà Nội	14.362	13.271	1.091	-14.362		
*	Chi quản lý hành chính	14.295	13.271	1.024	-14.295		
	a/ Kinh phí tự chủ	6.202	6.202		-6.202		
	- Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	2.635	2.635		-2.635		
	- Chi khác ngoài lương	3.567	3.567		-3.567		
	b/ Kinh phí không tự chủ	8.093	7.069	1.024	-8.093		
	- Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	1.503	1.503		-1.503		
	- Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung Quỹ tiền thưởng	235	235		-235		
	- Chi nghiệp vụ	6.355	5.331	1.024	-6.355		
	- Chi mua sắm, sửa chữa TSC						
	- Chi sửa chữa, cải tạo các CT						
*	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	67		67	-67		
	b/ Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	67		67	-67		
	- Chi nghiệp vụ	67		67	-67		
	- Chi mua sắm, sửa chữa TSC						
6	Liên đoàn Lao động thành phố Hà Nội	72.903	72.903		-72.903		
*	Chi sự nghiệp khác	72.903	72.903		-72.903		
B	Giao dự toán cho đơn vị mới thành lập				310.472	310.472	
	Ủy ban MTTQ VN thành phố HN (Cơ quan Ủy ban MTTQ VN thành phố HN)				310.472	310.472	
*	Chi quản lý hành chính				172.898	172.898	
	a/ Kinh phí tự chủ				48.709	48.709	
	- Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)				22.869	22.869	
	- Chi khác ngoài lương				25.840	25.840	
	b/ Kinh phí không tự chủ				124.189	124.189	
	- Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương				12.769	12.769	
	- Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung Quỹ tiền thưởng				1.950	1.950	
	- Chi nghiệp vụ				109.470	109.470	
	- Chi mua sắm, sửa chữa TSC						
	- Chi sửa chữa, cải tạo các CT						
*	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề				43.805	43.805	
	a/ Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				8.053	8.053	
	b/ Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				35.752	35.752	
	- Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương				1.731	1.731	
	- Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung Quỹ tiền thưởng				320	320	

STT	Tên đơn vị	Dự toán giao năm 2025			Dự toán 2025 đề nghị giao, điều chỉnh	Dự toán năm 2025 sau giao, điều chỉnh	Ghi chú
		Tổng cộng					
			Dự toán giao đầu năm 2025	Dự toán điều chỉnh bổ sung trong năm 2025			
	- Chi nghiệp vụ				17.809	17.809	
	- Chi mua sắm, sửa chữa TSC				905	905	
	- Chi sửa chữa, cải tạo các CT				14.987	14.987	
*	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội				15.000	15.000	
	b/ Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				15.000	15.000	
	- Chi nghiệp vụ				15.000	15.000	
*	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				69.668	69.668	
	b/ Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				69.668	69.668	
	- Chi nghiệp vụ				35.759	35.759	
	- Chi mua sắm, sửa chữa TSC				609	609	
	- Chi sửa chữa, cải tạo các CT				33.300	33.300	
*	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				8.011	8.011	
	b/ Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				8.011	8.011	
	- Chi nghiệp vụ				3.804	3.804	
	- Chi mua sắm, sửa chữa TSC				4.207	4.207	
*	Chi sự nghiệp khác				1.090	1.090	
	b/ Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				1.090	1.090	
	- Chi nghiệp vụ				1.090	1.090	
C	Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	23.592	23.592			23.592	
*	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	23.592	23.592			23.592	
	<i>Trong đó:</i>						
	Hội Liên hiệp phụ nữ thành phố Hà Nội	1.342	1.342,0		-1.342,0		
	Ủy ban MTTQ VN thành phố HN (Cơ quan Ủy ban MTTQ VN thành phố HN)				1.342,0	1.342,0	